

Số: *4632*/KH-UBND

Điện Biên, ngày *15* tháng 12 năm 2020

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc tỉnh Điện Biên

Thực hiện Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc. UBND tỉnh Điện Biên ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ, với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các nội dung của Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc theo Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành; các quy chuẩn kỹ thuật sẽ ban hành cùng tiến độ thực hiện Đề án do Trung ương triển khai.

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức đến người tiêu dùng, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh; cơ quan quản lý nhà nước có chức năng quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa về hoạt động truy xuất nguồn gốc, tem truy xuất nguồn gốc.

- Tổ chức triển khai thí điểm áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa đối với nhóm sản phẩm theo yêu cầu quản lý tại địa phương và theo nhu cầu của doanh nghiệp; hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh.

- Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh chủ động áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc, cơ sở dữ liệu sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa quốc gia.

- Tổ chức ít nhất 05 hội nghị, hội thảo tập huấn, đào tạo kiến thức về triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc cho đối tượng tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh có quan tâm, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh

- Truy xuất được nguồn gốc ít nhất 10 sản phẩm của cơ sở/doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm chủ lực, các đặc sản của địa phương dựa trên ứng dụng thông tin điện tử sử dụng mã QR và công nghệ mã số mã vạch.

- Tối thiểu 30% các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sử dụng mã số mã vạch tại tỉnh Điện Biên có hệ thống truy xuất nguồn gốc áp dụng các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế, đảm bảo khả năng tương tác, trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh và kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

- Giai đoạn đầu ưu tiên thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm lĩnh vực nông nghiệp, thực phẩm (sản phẩm tham gia chương trình OCOP).

2. Yêu cầu

- Xây dựng giải pháp ứng dụng hệ thống thông tin điện tử sử dụng mã QR, ứng dụng công nghệ mã vạch truy xuất nguồn gốc trong quản lý, nhận diện, xác định nguồn gốc sản phẩm đảm bảo an toàn lưu thông, tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Nâng cao tỷ lệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm bằng công cụ điện tử ở cơ sở sản xuất ban đầu, sơ chế, chế biến ở những vùng, hợp tác xã sản xuất tập trung, cơ sở sản xuất nông sản thực phẩm chủ lực theo chuỗi trên địa bàn tỉnh; các cửa hàng, siêu thị, chợ đầu mối đến người tiêu dùng.

- Phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, kinh doanh trong quá trình triển khai và thực hiện kế hoạch.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức về áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm; Mã số mã vạch; Ghi nhãn hàng hóa và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm

- Tuyên truyền, phổ biến, quảng bá, nâng cao nhận thức về sự cấp thiết, lợi ích và tầm quan trọng của truy xuất nguồn gốc; mã số mã vạch; ghi nhãn hàng hóa và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, các bài báo viết, báo hình, tin bài trên trang tin... đến các đối tượng tham gia chuỗi cung ứng như các đơn vị: Cung ứng, sản xuất, phân phối, bán lẻ, cơ quan quản lý nhà nước, chứng nhận chất lượng sản phẩm và người tiêu dùng.

- Tuyên truyền biên soạn các tài liệu liên quan hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc; cách thức kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa quốc gia.

- Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh về tiêu chuẩn sản phẩm, mã số mã vạch, triển khai ứng dụng công nghệ tiên tiến để truy xuất nguồn gốc sản phẩm dưới hình thức tại chỗ hoặc cử đi tập huấn, đào tạo.

- Đào tạo nguồn nhân lực triển khai thực hiện Đề án 100: Đào tạo kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về truy xuất nguồn gốc cho lực lượng cán bộ, chuyên môn của các sở, ngành, các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ tư vấn và triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Bồi dưỡng cán bộ, công chức chuyên môn về các quy định, hướng dẫn truy xuất nguồn gốc; mã số mã vạch; Ghi nhãn hàng hóa và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; Nghiệp vụ vận hành, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; Nghiệp vụ tham gia Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

- Học tập kinh nghiệm các địa phương khác trong hoạt động triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc.

- Tổ chức hội nghị sơ kết (năm 2025), tổng kết (năm 2030) đánh giá rút kinh nghiệm nhân rộng.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên hằng năm.

2. Áp dụng, phổ biến tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về hệ thống truy xuất nguồn gốc

- Ưu tiên triển khai các đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ để phát triển các giải pháp, công nghệ (Blockchain, IoT, AI, Big data và các công nghệ mới phù hợp xu hướng phát triển của thế giới) ứng dụng trong truy xuất nguồn gốc của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Thống nhất tiêu chuẩn áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc; chuẩn hóa cách thức quản lý việc áp dụng, thông tin truy xuất nguồn gốc: Thông tin về cơ sở sản xuất, chế biến, thông tin truy xuất nguồn gốc xuất xứ nguyên vật liệu; thông tin về an toàn, vệ sinh và chất lượng; yêu cầu gắn trách nhiệm của cơ sở sản xuất trong việc thực hiện gắn tem, nhãn hoặc định dạng bằng một phương pháp thích hợp để truy xuất nguồn gốc

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

3. Khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu, danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm trọng điểm, ưu tiên triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc; mã số mã vạch; ghi nhãn hàng hóa và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm

- Lập danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm trọng điểm ưu tiên triển khai trên cơ sở các sản phẩm đã được chứng nhận OCOP, chứng nhận chuỗi liên kết hoặc các sản phẩm có lợi thế của địa phương.

- Thông tin, nhu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh, thị trường theo hướng ưu tiên thị trường hội nhập và yêu cầu về an toàn thực phẩm, đơn vị đã áp dụng mã số mã vạch;

- Lập danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm trọng điểm ưu tiên triển khai truy xuất nguồn gốc tại địa phương dựa trên nghiên cứu nhu cầu của thị trường, ưu tiên thị trường xuất khẩu và yêu cầu về vệ sinh, an toàn.

- Quy định các sản phẩm bắt buộc áp dụng truy xuất nguồn gốc và lộ trình phù hợp theo nguyên tắc mức độ an toàn, khả năng thực thi và yêu cầu của thị trường xuất khẩu theo lĩnh vực quản lý của các sở, ngành liên quan.

Thời gian thực hiện: Năm 2021 khảo sát, thống kê đề xuất các danh mục, hằng năm cập nhật bổ sung.

4. Xây dựng cơ sở hạ tầng truy xuất nguồn gốc

- Xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, máy tính, máy quét mã truy xuất và hệ thống chứng nhận truy xuất sản phẩm, hàng hóa của tỉnh.

- Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc của tỉnh và kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia: Kết nối cơ sở dữ liệu hệ thống truy xuất nguồn gốc của đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ với cổng thông tin truy xuất nguồn gốc, trang thông tin điện tử của tỉnh.

Thời gian thực hiện: Xây dựng và vận hành quản lý hệ thống thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa của tỉnh năm 2021, 2022. Hằng năm tiến hành cập nhật, duy trì, nâng cấp.

5. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh hoạt động về truy xuất nguồn gốc

- Tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh đăng ký, sử dụng mã số, mã vạch; triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, các tiêu chuẩn quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế; đảm bảo tương tác, trao đổi dữ liệu với các hệ thống truy xuất nguồn gốc của doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

- Hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh, đơn vị cung cấp dịch vụ giải pháp xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo các quy định của pháp luật trên nền tảng các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng hoặc sản phẩm đã được chứng nhận chất lượng; hướng dẫn chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc đảm bảo chuẩn hóa, minh bạch thông tin truy xuất nguồn gốc.

- Triển khai thí điểm áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của cơ quan quản lý, nhu cầu của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh đối với danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm được chứng nhận OCOP, chứng nhận chuỗi liên kết ...

Thời gian thực hiện: Hằng năm.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ các nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, vốn tài trợ quốc tế và trong nước, vốn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ khoa học công nghệ được giao theo kế hoạch, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính thẩm định, tham mưu bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước theo quy định.

1. Nguồn Ngân sách nhà nước

- Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ: Thực hiện các nhiệm vụ:
 - + Tổ chức Hội nghị, hội thảo tuyên truyền, triển khai thông tư quy định về quản lý mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm; ghi nhãn hàng hóa và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hội nghị sơ kết, tổng kết kế hoạch;
 - + Biên soạn, phát hành tài liệu hướng dẫn về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa;
 - + Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức về áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc sản phẩm; mã số mã vạch; ghi nhãn hàng hóa và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; Học tập kinh nghiệm các địa phương khác;
 - + Khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu, danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm trọng điểm, ưu tiên triển khai truy xuất nguồn gốc;
 - + Xây dựng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh;
 - + Xây dựng, quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh theo thẩm quyền và kết nối với Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia;
 - + Triển khai đề tài, dự án, nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ để phát triển các giải pháp, công nghệ ứng dụng trong truy xuất nguồn gốc của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.
 - + Xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng hệ thống truy xuất nguồn gốc của tỉnh: Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, máy tính, máy quét mã truy xuất và hệ thống chứng nhận truy xuất sản phẩm, hàng hóa của tỉnh.
 - + Duy trì hệ thống trang thiết bị, phần mềm, con người, dịch vụ công nghệ thông tin hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh tại địa phương.
- Nguồn vốn sự nghiệp chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Triển khai thí điểm áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của cơ quan quản lý, nhu cầu của hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh đối với danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm được chứng nhận OCOP.

2. Nguồn vốn của hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh: In ấn tem truy xuất, Phí duy trì phần mềm truy xuất nguồn gốc...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan thường trực triển khai các hoạt động truy xuất nguồn gốc, biện pháp quản lý và các công nghệ truy xuất nguồn gốc phù hợp, tiên tiến trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương liên quan thực hiện chức năng đầu mối quản lý hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh; định kỳ hằng năm báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai thực hiện, đánh giá hiệu quả và đề xuất khen thưởng.

c) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương xác định sản phẩm, nhóm sản phẩm ưu tiên thí điểm triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc.

d) Tuyên truyền, vận động, khuyến khích, thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh đầu tư xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc.

e) Thông tin, kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia;

f) Hằng năm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về truy xuất nguồn gốc cho công chức các sở, ban, ngành, địa phương liên quan và doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

g) Chỉ đạo Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ triển khai ứng dụng các công nghệ, giải pháp truy xuất nguồn gốc tại địa phương.

h) Quản lý, giám sát các tổ chức chứng nhận cung cấp các giải pháp công nghệ về truy xuất nguồn gốc cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

i) Giám sát và xử lý vi phạm về truy xuất nguồn gốc.

k) Lồng ghép các Chương trình được triển khai trên địa bàn để thực hiện Kế hoạch một cách có hiệu quả.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách địa phương tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

3. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm

a) Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ các hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý về các văn bản quy định của pháp luật về truy xuất nguồn gốc, các nội dung của kế hoạch để các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh thuộc ngành, lĩnh vực quản lý tham gia.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các nhiệm vụ: Điều tra, khảo sát, đề xuất danh mục sản phẩm nhóm sản phẩm nông lâm nghiệp, thủy sản và thực phẩm trọng điểm, ưu tiên triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hóa và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm; đào tạo, tập huấn kiến thức, đề xuất chính sách hỗ trợ;

c) Lồng ghép các Chương trình được triển khai trên địa bàn để thực hiện Kế hoạch một cách có hiệu quả.

d) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ quản lý, giám sát và xử lý vi phạm về truy xuất nguồn gốc đối với những sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

4. UBND các huyện, thị xã, thành phố.

a) Tuyên truyền, quảng bá về lợi ích và tầm quan trọng của Kế hoạch tới các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn quản lý.

b) Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương và quản lý hoạt động này.

c) Bố trí kinh phí triển khai Kế hoạch trên địa bàn quản lý.

d) Đề xuất ban hành danh mục sản phẩm, nhóm sản phẩm phải triển khai áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc.

đ) Phối hợp với các cơ quan liên quan như Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quản lý, giám sát việc áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc tại địa phương.

5. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Điện Biên Phủ

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thông tin, tuyên truyền về công nghệ truy xuất nguồn gốc, các mô hình áp dụng có hiệu quả và các tổ chức làm tốt, nâng cao giá trị cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Liên minh Hợp tác xã tỉnh

Phối hợp với các sở, ngành tuyên truyền, phổ biến, vận động hợp tác xã, tổ hợp tác và liên hiệp hợp tác xã ứng dụng truy xuất nguồn gốc phẩm, hàng hóa.

Hỗ trợ hợp tác xã, tổ hợp tác và liên hiệp hợp tác xã ứng dụng truy xuất nguồn gốc phẩm, hàng hóa.

7. Các Hội, Hiệp hội và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tỉnh

Thông tin, tuyên truyền, phổ biến về các hoạt động truy xuất nguồn gốc và phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức Chính trị, xã hội tỉnh

Tuyên truyền vận động các đoàn viên, hội viên và nhân dân nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò của việc áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hóa; tích cực tham gia triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm, hàng hóa của mình và giám sát đối với việc triển khai các nội dung của Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh; các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ tổ chức, triển khai thực hiện. Trong quá

trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị tổng hợp gửi Sở Khoa học và Công nghệ để báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ KH&CN (b/c);
- UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Các Hội, Hiệp hội và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX^(NNT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô